

Bản tin Phân tích kỹ thuật

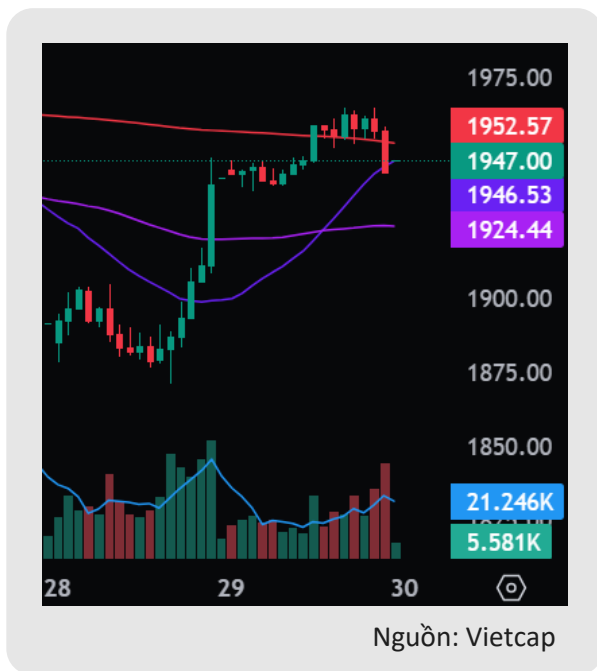
29/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 41I1FB000 đóng cửa tăng nhẹ bởi hoạt động bán quanh vùng 1.964 điểm khiến đà tăng trong ngày bị thu hẹp. (M15)
- Vị thế chờ bán được mở quanh đường MA200 (1.952 điểm), với mục tiêu là vùng giá 1.925 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 1.964 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Bán (S): 1.952 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.925 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.964 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- Chỉ số VN-Index tăng nhẹ về cuối ngày. Phần lớn đà tăng trong ngày bị thu hẹp bởi hoạt động giảm điểm ở nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM, VRE). Các chỉ số VNMidcap và VNSmallcap đều giữ được giá đóng cửa quanh vùng cao trong phiên với sắc xanh diện rộng. Trong ngắn hạn, tín hiệu trên chỉ số VNMidcap nâng từ mức Tiêu cực lên Trung tính bởi chỉ số bắt đầu thiết lập đà tăng ổn định.
- Hoạt động mua trong ngày duy trì trên nhóm Ngân hàng, gia tăng trên nhóm Vật liệu và Tiêu dùng. Đáng chú ý, chưa ghi nhận áp lực bán giá cao bất thường khi VN-Index tiếp cận vùng 1.695 điểm. Về tín hiệu kỹ thuật, đà hồi phục tiếp tục lan rộng trên nhóm Ngân hàng, Dầu khí, Vật liệu. Hiện tại, chỉ nhóm Bất động sản và Bán lẻ có cấu trúc xu hướng Tích cực chiếm phần lớn trên cổ phiếu thành phần.
- VN-Index thu hẹp biên độ dao động trên mức thanh khoản thấp cho thấy sự do dự ở lực mua vùng cao và đồng thời áp lực cung cũng được tiết chế ở mức thấp hoặc chưa có sự dàn trải. Trong phiên 30/10, chỉ số nhiều khả năng sẽ duy trì biên độ 1.675-1.695 (+/- 5) điểm. Hiện tại, xác suất vẫn đang nghiêng về phía vượt vùng 1.695 điểm, tiếp cận khu vực giá 1.730 điểm. Ở kịch bản kém khả quan với xác suất thấp hơn, đà hồi phục sẽ mất nếu chỉ số đóng cửa vi phạm 1.675 điểm.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	212,000	-3.68%	4.43%	816,839	-5.994	3,487	5.7	60.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	103,800	-2.99%	-8.14%	426,349	-2.543	6,984	2.0	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VCB	60,700	1.17%	1.85%	507,189	1.180	4,148	2.4	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	17,200	6.84%	1.75%	86,126	1.174	-10	1.5	-1,726.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BID	37,800	1.89%	1.61%	265,407	0.999	3,683	1.7	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	33,400	3.73%	2.77%	128,401	0.954	4,075	2.1	8.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VJC	195,100	4.05%	8.27%	115,423	0.933	3,427	4.9	56.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	49,650	1.33%	-1.68%	266,620	0.705	5,608	1.6	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	27,250	1.68%	2.06%	209,156	0.700	1,750	1.7	15.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
LPB	53,900	2.08%	8.02%	161,015	0.669	3,469	3.7	15.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	29,850	1.36%	-1.97%	236,828	0.641	2,603	1.5	11.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	36,400	1.11%	-4.21%	257,939	0.572	3,113	1.6	11.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBB	24,350	1.46%	-4.32%	196,139	0.570	3,017	1.5	8.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	28,100	2.00%	6.04%	112,400	0.447	1,569	1.9	17.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SHB	16,800	2.75%	0.90%	77,174	0.424	2,577	1.2	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	164,600	3.52%	-8.81%	32,920	0.522	7,830	8.2	21.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
THD	30,800	-4.94%	10.79%	11,858	-0.264	220	2.7	139.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	37,900	2.71%	6.76%	14,383	0.175	3,977	2.5	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	17,100	1.79%	6.88%	18,268	0.147	488	1.7	35.0	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
BAB	12,500	2.46%	-3.85%	12,540	0.139	1,153	1.0	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	71,400	-1.52%	4.69%	16,725	-0.114	5,156	1.9	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTK	11,700	-2.50%	-4.10%	7,988	-0.090	1,131	0.9	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	14,900	0.68%	-3.87%	28,677	0.087	-4,014	4.3	-3.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	31,900	1.27%	5.28%	15,247	0.087	3,040	1.1	10.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NTP	64,900	-1.52%	-1.82%	11,100	-0.076	5,885	2.8	11.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

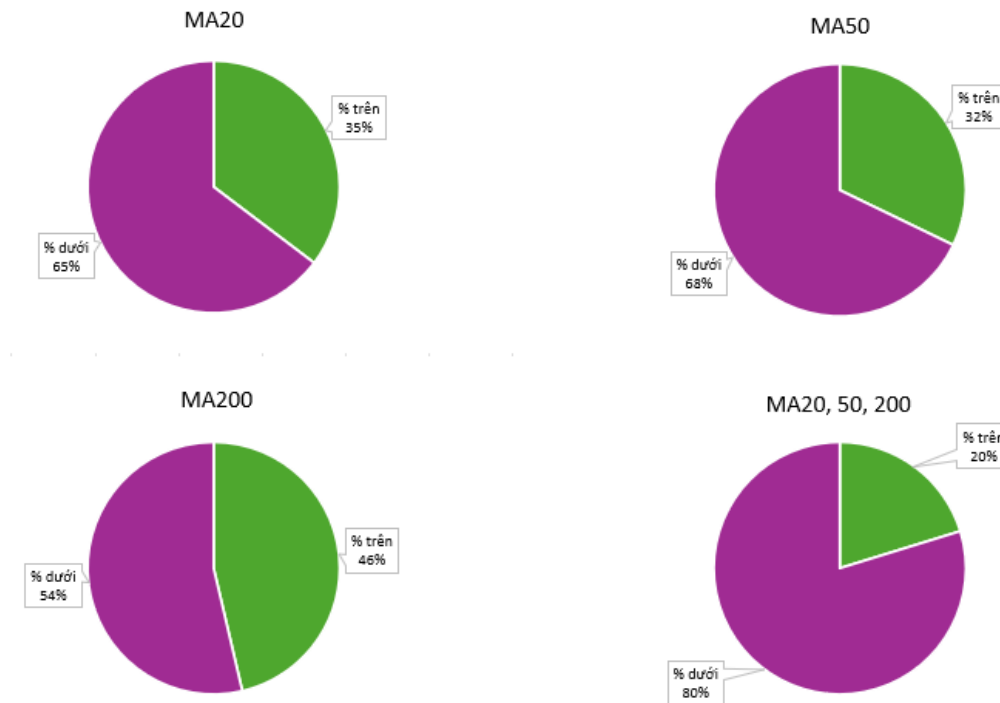
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	154,900	3.34%	8.32%	163,164	0.644	7,722	10.2	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	46,700	3.78%	4.47%	55,616	0.249	1,312	4.2	35.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	67,500	3.85%	4.17%	50,053	0.228	4,405	4.8	15.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGI	70,100	-0.57%	1.89%	212,555	-0.143	1,913	5.7	36.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	40,100	1.52%	2.04%	52,918	0.095	5,656	1.8	7.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
TOS	146,700	10.38%	13.02%	6,503	0.080	21,025	3.5	6.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,400	8.47%	6.67%	6,955	0.070	-1,062	4.3	-5.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SNZ	34,800	3.88%	7.74%	12,876	0.059	3,320	1.8	10.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SGP	27,400	7.45%	7.45%	5,875	0.052	1,955	1.9	13.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ABB	13,400	3.08%	0.75%	13,826	0.050	1,997	0.9	6.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	53,900	2.1%	118.5	152.5	24,963	52,800	3.7	15.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	195,100	4.1%	449.6	388.6	79,100	187,500	4.9	56.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTD	99,800	7.0%	261.2	110.2	63,545	96,000	1.1	21.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	24,900	6.9%	128.2	40.1	15,727	23,614	1.6	11.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	146,700	10.4%	23.0	4.0	39,416	136,500	3.5	6.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KHG	7,670	7.0%	230.4	83.8	4,900	7,380	0.7	53.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	34,700	0.6%	21.9	21.1	16,273	34,600	2.3	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	58,400	10.2%	21.7	4.8	13,591	54,000	2.4	6.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	58,000	4.9%	17.6	6.1	33,590	55,300	1.8	8.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HNG	6,400	8.5%	102.0	17.9	4,700	8,000	4.3	-5.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGP	27,400	7.5%	8.5	1.7	18,800	40,200	1.9	13.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	49,900	3.7%	27.0	8.6	39,600	52,800	1.9	12.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TRC	74,000	4.2%	29.7	4.4	38,773	84,192	1.1	6.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
BFC	44,450	3.7%	27.0	7.8	32,613	50,800	1.9	7.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TOS	146,700	10.4%	23.0	4.0	39,416	136,500	3.5	6.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	67,500	3.8%	26.5	5.3	48,372	76,000	4.8	15.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DVM	7,200	7.5%	8.3	2.2	5,455	8,091	0.4	8.1	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCB	13,550	4.2%	222.4	51.3	8,378	14,600	1.1	9.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VHC	58,300	3.7%	152.4	75.9	42,280	71,610	1.3	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NT2	24,900	6.9%	128.2	40.1	15,727	23,614	1.6	11.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPR	38,800	3.6%	53.5	14.2	32,990	49,985	1.3	9.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TLG	54,400	1.9%	14.2	6.5	41,623	69,000	1.9	10.9	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
TIG	7,800	-2.5%	18.4	7.1	6,100	14,300	0.7	14.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			29/10/2025	28/10/2025	27/10/2025	24/10/2025	23/10/2025	22/10/2025	21/10/2025	20/10/2025	17/10/2025	16/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	56%	52%	49%	49%	49%	49%	47%	45%	55%	58%
		Dưới	44%	48%	51%	51%	51%	51%	53%	55%	45%	42%
	MA50	Trên	29%	24%	24%	23%	23%	23%	20%	19%	32%	35%
		Dưới	71%	76%	76%	77%	77%	77%	80%	81%	68%	65%
	MA20	Trên	41%	30%	26%	24%	24%	23%	18%	15%	29%	34%
		Dưới	59%	70%	74%	76%	76%	77%	82%	85%	71%	66%

VN30	MA200	Trên	67%	67%	67%	67%	67%	63%	67%	63%	73%	73%
		Dưới	33%	33%	33%	33%	33%	37%	33%	37%	27%	27%
	MA50	Trên	27%	30%	20%	23%	23%	23%	23%	20%	47%	57%
		Dưới	73%	70%	80%	77%	77%	77%	77%	80%	53%	43%
	MA20	Trên	40%	40%	27%	33%	33%	27%	20%	13%	47%	67%
		Dưới	60%	60%	73%	67%	67%	73%	80%	87%	53%	33%

HNX	MA200	Trên	48%	45%	45%	44%	46%	45%	45%	45%	50%	51%
		Dưới	52%	55%	55%	56%	54%	55%	55%	55%	50%	49%
	MA50	Trên	35%	35%	34%	32%	32%	32%	31%	29%	34%	36%
		Dưới	65%	65%	66%	68%	68%	68%	69%	71%	66%	64%
	MA20	Trên	48%	45%	45%	44%	46%	45%	45%	45%	50%	51%
		Dưới	52%	55%	55%	56%	54%	55%	55%	55%	50%	49%

UPCOM	MA200	Trên	32%	29%	30%	28%	28%	27%	27%	28%	31%	29%
		Dưới	68%	71%	70%	72%	72%	73%	73%	72%	69%	71%
	MA50	Trên	33%	31%	33%	31%	30%	30%	31%	32%	34%	34%
		Dưới	67%	69%	67%	69%	70%	70%	69%	68%	66%	66%
	MA20	Trên	41%	40%	41%	40%	40%	40%	39%	39%	42%	43%
		Dưới	59%	60%	59%	60%	60%	60%	61%	61%	58%	57%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 10																			
		29 ↓	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02
1	Bán lẻ	60	55	55	57	59	57	51	53	61	63	62	61	62	63	59	55	53	42	37	39
2	Bất động sản	53	50	55	65	66	65	67	75	82	78	74	74	72	67	62	61	61	55	54	59
3	Bảo hiểm	53	53	50	46	41	35	28	31	35	35	36	37	42	47	50	51	56	51	52	54
👉 4	Thực phẩm và đồ uống...	51	47	45	46	47	47	45	49	52	53	54	56	61	61	62	60	61	57	53	56
5	Hàng & Dịch vụ Cộn...	49	43	43	47	46	45	41	40	43	44	44	41	43	46	47	47	50	45	41	42
6	Công nghệ Thông tin	48	43	35	30	29	29	20	14	14	16	18	21	24	29	30	29	31	29	29	28
👉 7	Ngân hàng	47	43	44	49	52	54	53	61	68	74	73	74	77	77	74	71	73	65	59	59
8	Tài nguyên Cơ bản	45	43	43	45	49	49	44	46	50	51	52	52	56	59	58	59	61	58	57	55
9	Điện, nước & xăng d...	44	38	31	32	36	31	25	27	35	36	36	39	41	43	44	44	45	45	45	48
👉 10	Du lịch và Giải trí	44	47	47	48	47	47	45	47	53	56	58	58	59	54	54	55	45	40	38	47
11	Hàng cá nhân & Gia ...	43	44	37	30	28	27	22	24	29	28	27	28	32	33	31	31	33	26	25	26
12	Hóa chất	42	36	34	33	34	29	23	26	29	30	32	34	39	40	37	35	36	34	34	38
👉 13	Xây dựng và Vật liệu	42	42	44	47	51	51	52	56	59	55	55	58	62	63	62	63	62	56	56	59
14	Ô tô và phụ tùng	41	37	36	35	35	34	34	29	32	34	32	34	37	40	41	40	40	38	38	40
👉 15	Dầu khí	39	38	39	41	39	35	31	33	37	37	30	33	37	46	41	34	36	31	33	35
👉 16	Dịch vụ tài chính	32	31	30	39	44	47	48	53	60	60	59	60	62	61	62	63	63	51	44	49

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	154,900	3.3%	8.3%	163,164	10.2	20.0	7,722	91.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	53,900	2.1%	8.0%	161,015	3.7	15.5	3,469	118.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	33,400	3.7%	2.8%	128,401	2.1	8.2	4,075	1,049.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VJC	195,100	4.1%	8.3%	115,423	4.9	56.9	3,427	449.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	181,000	0.6%	-0.4%	66,246	8.9	19.9	9,095	58.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,100	1.5%	2.0%	52,918	1.8	7.0	5,656	26.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
FOX	67,500	3.8%	4.2%	50,053	4.8	15.4	4,405	26.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	34,400	2.7%	6.8%	38,604	2.1	40.1	857	560.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
OCB	13,550	4.2%	6.3%	36,084	1.1	9.3	1,460	222.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PNJ	95,500	0.6%	8.9%	32,580	2.7	13.8	6,924	107.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	69,200	4.1%	3.3%	29,513	2.4	18.1	3,821	273.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	38,450	4.9%	2.5%	18,656	1.9	22.7	1,693	148.0	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
DHG	108,000	-0.1%	2.8%	14,121	3.5	15.4	7,022	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	170,000	0.1%	-2.3%	13,916	4.4	11.6	14,639	30.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	13,400	3.1%	0.8%	13,826	0.9	6.7	1,997	54.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	58,300	3.7%	4.9%	13,086	1.3	8.4	6,944	152.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BWE	49,900	3.7%	4.9%	10,974	1.9	12.8	3,894	27.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HAH	62,000	3.5%	12.7%	10,469	2.6	9.4	6,602	367.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
CTD	99,800	7.0%	17.3%	10,123	1.1	21.9	4,565	261.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	17,500	3.6%	4.2%	10,075	1.3	6.7	2,609	17.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
QNS	45,200	-2.0%	-3.4%	16,760	1.7	8.6	5,278	11.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAF	31,500	0.5%	-4.3%	9,577	2.2	15.9	1,981	41.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	55,200	0.4%	-1.1%	5,238	3.4	7.7	7,183	20.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	16,900	-1.7%	-2.9%	2,365	1.4	16.4	1,032	21.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAS	9,500	0.0%	-2.1%	2,188	0.8	13.5	703	12.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,950	1.1%	-1.6%	51,068	1.3	7.4	2,416	57.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	37,850	-0.9%	0.9%	27,350	2.2	23.8	1,589	238.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	17,000	0.9%	2.7%	10,557	0.9	22.6	751	53.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	16,450	1.2%	2.8%	2,674	0.8	10.8	1,524	7.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	33,400	0.3%	0.0%	2,411	0.9	9.4	3,550	5.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,900	0.0%	-1.7%	1,907	1.3	12.0	1,412	6.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	32,500	-1.8%	-5.7%	101,124	-26.9	8.8	3,714	41.2	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	13,550	1.1%	-3.2%	27,745	0.7	-6.9	-1,960	114.4	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	24,000	0.0%	-3.0%	25,919	2.4	16.5	1,452	250.7	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRE	9,480	-1.3%	-5.0%	4,396	0.8	65.5	145	11.0	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	18,500	2.5%	-5.4%	2,257	1.3	-151.3	-122	28.4	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	60,700	1.2%	1.8%	507,189	2.4	14.6	4,148	223.9	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	37,800	1.9%	1.6%	265,407	1.7	10.3	3,683	120.6	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	48,100	1.7%	3.6%	21,566	2.4	15.6	3,090	60.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	31,000	2.5%	5.8%	5,580	1.8	17.6	1,763	28.1	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDC	37,900	2.71%	6.76%	56,100	52.0%	3,977	2.5	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,550	1.12%	-3.21%	20,000	49.3%	(1,960)	0.7	-6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,900	1.27%	5.28%	45,000	42.9%	3,040	1.1	10.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	38,450	4.91%	2.53%	51,600	40.8%	1,693	1.9	22.7	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
KDH	34,400	2.69%	6.83%	47,100	40.6%	857	2.1	40.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
SZC	31,000	2.48%	5.80%	42,400	40.2%	1,763	1.8	17.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	23,200	3.57%	3.80%	31,100	38.8%	1,189	1.5	19.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	48,100	1.69%	3.55%	64,100	35.5%	3,090	2.4	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	54,900	0.00%	2.62%	74,300	35.3%	2,751	3.1	20.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SIP	56,600	2.91%	8.02%	73,900	34.4%	5,215	2.9	10.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	94,400	0.43%	3.74%	126,000	34.0%	8,296	2.3	11.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DCM	35,200	1.15%	2.18%	46,600	33.9%	3,578	1.8	9.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BMI	19,850	1.28%	4.47%	26,200	33.7%	1,988	1.0	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HPG	27,250	1.68%	2.06%	35,300	31.7%	1,750	1.7	15.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DXS	11,000	1.85%	0.92%	14,100	30.6%	566	1.0	19.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,800	1.99%	0.70%	45,800	30.5%	2,940	1.3	12.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	60,700	1.17%	1.85%	77,600	29.3%	4,148	2.4	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	79,200	0.25%	0.25%	101,200	28.1%	2,196	3.4	36.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SAB	45,750	0.66%	2.12%	58,000	27.6%	3,373	2.6	13.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DPG	44,050	1.73%	-1.01%	55,200	27.5%	2,518	2.2	17.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn